TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 33/2024/DS-GĐT
Ngày 24-6-2024
V/v tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu vô hiệu biên bản họp gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Nam;

Ông Lê Văn Minh;

Bà Lương Ngọc Trâm;

Bà Đào Thị Minh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sơn - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự *"Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu vô hiệu biên bản họp gia đình"* giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Dương Thị T, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp 3, xã Tân H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

2. Bà Dương Thị L, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp Cả Đ, xã Tân T, huyện Mộc H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T và bà L: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 481A Nguyễn Đình C, Phường 3, thành phố Tân A, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 06/6/2020).

- *Bị đơn:* Anh Dương Minh H, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Đ, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

Người đại điện theo ủy quyền của anh H: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; cư trú tại: Phòng L03, Tòa nhà Miếu N, Phường 3, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Bà Dương Thị H1, sinh năm 1947; cư trư tại: Ấp 6, xã Mỹ Thạnh Đ, huyện Đức H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H1: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1972; cư trú tại: Số 481 Nguyễn Đình C, Phường 3, thành phố Tân A, tỉnh Long An (theo văn bản ủy quyền ngày 30/6/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Dương Thị L1, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp 3, xã Tân H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

2. Ông Dương Văn B, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp 3, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp Đ, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T2: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1974; cư trú tại: Phòng L03, Tòa nhà Miếu N, Phường 3, quận Bình T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/12/2021).

4. Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn Thạnh H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T3; Chức vụ: Chủ tịch.

5. Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Địa chỉ: số 136-138 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, thành phố Tân A, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hồng N; Chức vụ: Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2017, ngày 06/6/2017, ngày 24/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn là bà Dương Thị L, bà Dương Thị T trình bày:

Cha mẹ của các nguyên đơn là cụ Dương Văn C (chết năm 2002) và cụ Phạm Thị L2 (chết năm 1996), các cụ có 5 người con là: bà Dương Thị T, bà Dương Thị L1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn B, bà Dương Thị H1. Vợ chồng cụ C tạo lập được khối tài sản là 60.412,7m^2 đất, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1997, cụ thể:

Thửa đất số 13, diện tích 7.513m^2; thửa đất số 14, diện tích 984m^2; thửa đất số 15 diện tích 12.147m^2; thửa đất số 716, diện tích 15.800m^2 đều tọa lạc tại ấp 3, xã Tân H, huyện Thạnh H, tỉnh Long An. Thửa đất số 654, diện tích 476,4m^2; Thửa đất số 657, diện tích 5.098,9m^2; thửa đất số 665, diện tích 2.665,1m^2; thửa đất số 689, diện tích 7.299m^2; thửa đất số 735, diện tích 8.429,3m^2 đều tọa lạc tại ấp Đ, xã Thạnh P, huyện Thạnh H, tỉnh Long An.

Toàn bộ các thửa đất nêu trên hiện do anh Dương Minh H là con của ông Dương Văn B đang quản lý sử dụng, anh H đã được cập nhật sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ cụ C sang tên cho anh H) căn cứ theo Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004.

Bà T, bà L và bà H1 đều xác định các bà không tham gia cuộc họp gia đình và không ký tên tại Biên bản ngày 20/8/2004. Vì vậy, việc anh H được chỉnh lý biến động sang tên quyền sử dụng đất đối với các thửa đất của vợ chồng cụ C là trái pháp luật. Các nguyên đơn yêu cầu hủy nội dung chỉnh lý biến động sang tên anh H trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng cụ C; yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ diện tích các thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, ngày 24/3/2021, các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với 3 thửa đất gồm: Thửa đất số 735, diện tích 8.429,3m^2; thửa đất số 689, diện tích 7.299m^2; thửa đất số 657, diện tích 5.098,9m^2 thành 05 kỷ phần cho 5 người con của cụ C; yêu cầu tuyên vô hiệu Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004.

Bị đơn là anh Dương Minh H trình bày:

Anh H thống nhất về nguồn gốc các thửa đất tranh chấp, về quan hệ huyết thống như các nguyên đơn trình bày. Anh sống với vợ chồng cụ C từ khi còn nhỏ. Sau khi các cụ chết, ngày 20/11/2003 các con đã họp và lập biên bản thống nhất giao toàn bộ các thửa đất của cụ C để lại cho anh toàn quyền sử dụng. Ngày 20/8/2004, các con cụ C họp lần 2 thống nhất giao cho anh thêm toàn bộ phần đất khoảng 20.000m^2 cụ C chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cả hai biên bản họp gia đình đều được Ủy ban nhân dân xã Phước T xác nhận. Anh đã kê, khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ các thửa đất của vợ chồng cụ C.

Anh không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án chia thừa kế di sản của các cụ, anh đồng ý nhận kỷ phần thừa kế của bà L1 và ông B được hưởng đồng thời yêu cầu Tòa án tính công sức gìn giữ tu tạo di sản của anh tương ứng hai kỷ phần theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Dương Thị H1 trình bày: Bà thống nhất ý kiến như các nguyên đơn đã trình bày và có yêu cầu độc lập về chia thừa kế di sản của vợ chồng cụ C đối với 03 thửa đất gồm: thửa số 735, thửa số 689, thửa số 657 đồng thời yêu cầu tuyên vô hiệu Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị L1 trình bày: Trước đây bà có yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của các cụ nhưng ngày 24/11/2017 bà đã rút toàn bộ yêu cầu. Bà xác định tại Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 và ngày 20/8/2004, các con cụ C thống nhất giao toàn bộ các thửa đất do vợ chồng cụ C tạo lập cho anh H tiếp tục quản lý, sử dụng và anh H có trách nhiệm thờ cúng ông bà. Bà đồng ý giao kỷ phần thừa kế bà được hưởng cho anh H được toàn quyền thụ hưởng.

Ông Dương Văn B trình bày: Ông thống nhất về huyết thống và khối di sản của vợ chồng cụ C như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, toàn bộ các thửa đất nêu trên vợ chồng cụ C đã cho ông và con trai ông là anh H sử dụng nhưng thực tế thì toàn bộ diện tích đất do anh H sử dụng vì ông đi làm ăn xa. Sau khi vợ chồng cụ C chết, 5 người con của cụ C đã họp gia đình thống nhất giao toàn bộ diện tích đất của vợ chồng cụ C tạo lập cho anh H tiếp tục quản lý, sử dụng và có trách nhiệm thờ cúng ông bà. Trường hợp Tòa án chia thừa kế, ông đồng ý giao toàn bộ kỷ phần của ông cho anh H thụ hưởng.

Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H, tỉnh Long An trình bày: Căn cứ Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 của gia đình cụ C có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Thạnh P. Ngày 27/8/2004, Ủy ban nhân dân xã Thạnh P có Tờ trình số 25-TT/UB đề nghị Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H và Phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện điều chỉnh các thửa đất số 654, 657, 665, 689, 735 của cụ Dương Văn C sang cho cháu nội là anh Dương Minh H. Ngày 10/9/2004, Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H ban hành Quyết định số 1378/QĐ.UB *"V/v cho phép chuyển đổi tên trên GCN.QSDĐ"* từ cụ Dương Văn C sang tên anh Dương Minh H. Việc chuyển tên chủ sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 01/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị T, bà Dương Thị L và bà Dương Thị H1 về việc "Tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu tuyên vô hiệu biên bản họp gia đình" với anh Dương Minh H, chị Nguyễn Thị T2.

Ngày 02/12/2021, bà Dương Thị T, bà Dương Thị L có đơn kháng cáo. Ngày 16/12/2021, bà Dương Thị H1 có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định số 230/QĐ-VKS-DS ngày 13/12/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2022/DS-PT ngày 15/6/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 18/10/2022, bà Dương Thị T, bà Dương Thị L có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/2024/KN-DS ngày 15/4/2024, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Cụ Dương Văn C (chết năm 2002), cụ Phạm Thị L2 (chết năm 1996) có 5 con chung là bà Dương Thị T, bà Dương Thị L1, bà Dương Thị L, ông Dương Văn B, bà Dương Thị H1. Vợ chồng cụ C tạo lập được khoảng 83.000m^2 đất gồm đất thổ cư, đất vườn, đất lúa tại huyện Thạnh H, tỉnh Long An (trong đó cụ C đã được cấp 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 60.412,7m^2 đất). Sau khi vợ chồng cụ C chết, anh Dương Minh H (con ông B) sử dụng các Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003, ngày 20/8/2004 để kê khai và được Ủy ban nhân dân huyện Thạnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích 83.018,7m^2 đất nêu trên.

[2] Bà T, bà L, bà H1 không thừa nhận có việc họp gia đình, xác định không ký Biên bản họp gia đình, đề nghị giám định đối với chữ ký, chữ viết đề tên các bà tại Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004 (do anh H xuất trình); đồng thời yêu cầu tuyên vô hiệu Biên bản ngày 20/8/2004, tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh H và yêu cầu chia di sản của vợ chồng cụ C đối với các thửa đất số 735, diện tích 8.429,3m^2; thửa đất số 689, diện tích 7.299m^2; thửa số 657, diện tích 5.098,9m^2 (một phần diện tích đất mà cụ C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Anh H thừa nhận toàn bộ diện tích 83.018,7m^2 đất nêu trên là của vợ chồng cụ C để lại, nhưng cho rằng các con cụ C đã họp gia đình và ký các Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003, ngày 20/8/2004, nội dung thống nhất để lại toàn bộ diện tích đất nêu trên cho anh sử dụng.

[3] Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 có nội dung các con cụ Chính thống n để cho anh H được quyền sử dụng diện tích 60.412,7m^2 (diện tích cụ C đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có ông Nguyễn Văn R (Trưởng ấp Đ) ký làm chứng ngày 20/11/2003, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh P chứng thực ngày 01/12/2003. Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004 có nội dung giống Biên bản ngày 20/11/2003 nhưng có bổ sung thêm cho anh H được hưởng 22.000m^2 đất (diện tích cụ C chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có ông R ký làm chứng ngày 05/9/2004, được Ủy ban nhân dân xã Thạnh P chứng thực ngày 08/9/2004. Ông R trình bày anh H nhờ ông xác nhận

Biên bản ngày 20/11/2003, sau đó tiếp tục nhờ xác nhận Biên bản ngày 20/8/2004. Ông R cho rằng có chứng kiến các con cụ C ký tên vào biên bản, rồi mới ký xác nhận, trong khi Biên bản họp gia đình ghi lập ngày 20/8/2004 nhưng đến ngày 05/9/2004 ông R mới ký làm chứng. Ông Lý Văn R1 (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh P năm 2003) trình bày ngày 01/12/2003 có ký chứng thực Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 do anh H cung cấp, ông không trực tiếp chứng kiến các con cụ C ký tên, nhưng có ông R ký xác nhận. Ông Nguyễn Văn Đ1 (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh P năm 2004) trình bày ngày 08/9/2004 có ký chứng thực Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004 do anh H cung cấp, ông không chứng kiến các con cụ C ký tên, nhưng có ông R ký xác nhận và các con cụ C mang chữ ký mẫu đến để đối chiếu. Tại Kết luận giám định số 4108/C09B ngày 31/10/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký, chữ viết mang tên bà Dương Thị T, bà Dương Thị L tại Biên bản ngày 20/8/2004 không phải chữ viết, chữ ký của bà T và bà L; chữ viết, chữ ký đề tên bà Dương Thị H1 không đủ cơ sở kết luận. Mặt khác, ông R không phải cán bộ Tư pháp xã giúp việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch xã thực hiện việc chứng thực, nên việc chứng thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Thạnh P tại các Biên bản họp gia đình nêu trên vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 11, khoản 2 Điều 24 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

[4] Các nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế một phần di sản của vợ chồng cụ C, gồm thửa số 735, thửa số 689, thửa số 657 và yêu cầu tuyên bố Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004 vô hiệu (do anh H chỉ xuất trình Biên bản họp gia đình ngày 20/8/2004, không xuất trình Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003). Cả hai Biên bản họp gia đình nêu trên đều thể hiện các con cụ C đồng ý cho anh H 3 thửa đất đang tranh chấp. Do đó, Toà án phải xem xét đánh giá tính hợp pháp của 2 Biên bản nêu trên, để xác định 3 thửa đất mà các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có còn là di sản của vợ chồng cụ C hay không, mà không phụ thuộc vào yêu cầu của đương sự. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thu thập được bản chính Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 và các nguyên đơn đã yêu cầu giám định và yêu cầu tuyên bố biên bản này vô hiệu. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm lại cho rằng yêu cầu trên vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên không chấp nhận là không có căn cứ. Toà án cấp sơ thẩm cho rằng 2 Biên bản họp gia đình đã được Ủy ban nhân dân xã chứng thực là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh (trong khi việc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Thạnh P vi phạm pháp luật về công chứng, chứng thực) là vi phạm các quy định về đánh giá chứng cứ. Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng nguyên đơn không yêu cầu xem xét Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 nên biên bản này đang có hiệu lực pháp luật, từ đó cho rằng 03 thửa đất tranh chấp không còn là di sản của vợ chồng cụ C là không đúng, mâu thuẫn trong nhận định của Tòa án và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi của các thừa kế của cụ C.

[5] Các đương sự đều thừa nhận toàn bộ diện tích đất (gồm cả 3 thửa đất tranh chấp) là của vợ chồng cụ C để lại. Thực tế, năm 1997 cụ C được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 3 thửa đất tranh chấp. Tòa án cấp phúc thẩm lại cho rằng đất cấp cho hộ gia đình cụ C, từ đó áp dụng khoản 2 Điều 76 Luật đất đai năm 1993, Điều 744 Bộ luật dân sự năm 1995 xác định anh H được tiếp tục sử dụng 02 thửa đất lúa (thửa số 689, thửa số 735) là không có căn cứ, không phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đối với thửa đất vườn (thửa số 657), Tòa án cấp phúc thẩm cũng nhận định các nguyên đơn không có yêu cầu tuyên bố Biên bản họp gia đình ngày 20/11/2003 vô hiệu, đồng thời cho rằng giao dịch về thửa đất này đã phát sinh hiệu lực, được thực hiện xong (trong khi giao dịch này vô hiệu ngay tại thời điểm xác lập), từ đó áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để dẫn chiếu áp dụng Điều 657 Bộ luật dân sự 2005 xác định đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là áp dụng không đúng pháp luật, không đảm bảo được quyền lợi của đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 24/2024/KN-DS ngày 15/4/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2022/DS-PT ngày 15/6/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2021/DS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An về vụ án *"Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy một phần chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu vô hiệu biên bản họp gia đình"* giữa nguyên đơn là bà Dương Thị T, bà Dương Thị L với bị đơn là anh Dương Minh H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- Viện trưởng VKSNDTC;
- VKSNDTC (Vụ 9);
- TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ;
- TAND tỉnh Long An (kèm theo hồ sơ vụ án);
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học TANDTC;
- Trung tâm tư liệu - Thư viện TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, Thẩm phán chủ tọa, Vụ GĐKT 11 (3b), hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng